

Bản án số: 62 /2020/HS-ST
Ngày 17/6/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN DU, TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Sướng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đăng Luân, ông Nguyễn Đình Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lụa -Thư ký TAND huyện Tiên Du

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Du xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 69/2020/TLST-HS ngày 01/6/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2020/QĐXXST-HS ngày 03/6/2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Đức T, sinh năm 1975; Giới tính: Nam; HKTT: Khu B, phường V, thành phố B, tỉnh B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Đoàn thể: không; Trình độ học vấn: 5/12, Nghề nghiệp: Không; Bố: Nguyễn Đức S – đã chết; Mẹ: Hoàng Thị S1 – đã chết; Gia đình có 05 anh em, bị cáo là thứ năm; Vợ: Trần Thị Bích Ch, sinh năm 1973; Con: 02 con, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2010.

Tiền sự: Không có.

Tiền án: Có 07 tiền án.

+ Tại Bản án số 15/HSST ngày 25/3/1995, Tòa án nhân dân thị xã Bắc Ninh xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”.

+ Tại Bản án số 72/HSST ngày 27/12/1995, Tòa án nhân dân thị xã Bắc Ninh xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”. Tổng hợp với bản án số 15 ngày 25/3/1995 T phải chịu hình phạt chung là 42 tháng tù. Tháng 9/1998 chấp hành xong hình phạt về địa phương.

+ Tại Bản án số 03/HSST ngày 14/12/1999, Tòa án nhân dân thị xã Bắc Ninh xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”.

+ Tại Bản án số 57/HSST ngày 20/7/2000, Tòa án nhân dân thị xã Bắc Ninh xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”. Tổng hợp với Bản án số 03 ngày 14/12/1999 T phải chấp hành hình phạt chung là 42 tháng tù. Ngày 25/7/2003 chấp hành xong hình phạt về địa phương.

+ Tại Bản án số 63/HSST ngày 24/3/2004, Tòa án nhân dân thị xã Bắc Ninh xử phạt 24 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”. Ngày 25/6/2006 chấp hành xong hình phạt về địa phương.

+ Tại Bản án số 28/HSST ngày 22/01/2007, Tòa án nhân dân TP. Bắc Ninh xử phạt 42 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”. Ngày 19/9/2009 chấp hành xong hình phạt về địa phương.

+ Tại Bản án số 109/HSST ngày 18/11/2014, Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 48 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”. Ngày 27/7/2018 chấp hành xong hình phạt về địa phương.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 31/3/2020 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh.(có mặt)

2. Nguyễn Đức Đ, sinh năm 1984; Giới tính: Nam; HKTT: Thôn Đ, xã S, huyện T, tỉnh B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Đoàn thể: không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Không; Bố: Nguyễn Đức P, sinh năm 1962; Mẹ: Đỗ Thị Th, sinh năm 1960; Gia đình có 2 anh em, bị cáo là thứ nhất; Vợ: Hoàng Thị Nh, sinh năm 1988; Con: 02 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2009.

Tiền sự: Không có.

Tiền án: Có 03 tiền án.

+ Tại Bản án số 35 ngày 12/9/2013, Tòa án nhân dân huyện Thuận Thành xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 12/01/2015 chấp hành xong hình phạt về địa phương.

+ Tại Bản án số 71 ngày 09/12/2015, Tòa án nhân dân huyện Thuận Thành xử phạt 07 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (trộm cắp tiền 792.000 đồng). Ngày 30/3/2016 chấp hành xong hình phạt về địa phương.

+ Tại Bản án số 40 ngày 20/6/2018, Tòa án nhân dân huyện Thuận Thành xử phạt 16 tháng tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Ngày 01/7/2019 chấp hành xong hình phạt về địa phương.

- Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 31/3/2020 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh.(có mặt)

Người bị hại: Anh Trần Xuân Tr, sinh năm 1992; HKTT: Đội 4, xã H, huyện H, tỉnh N.(hiện đang tạm trú tại: Thôn D, xã Đ, huyện T, tỉnh B). (vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Lê Tuấn A, sinh năm 1993; HKTT: Thôn N, thị trấn N, huyện V, tỉnh B.(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đức T và Nguyễn Đức Đ là bạn bè xã hội và đều là đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy. Đ sống lang thang và thường xuyên ở tại nhà của T. Từ năm 1999 đến năm 2020 T đã 07 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản để lấy tiền làm nguồn sống

chính. Do không có việc làm, không có tiền chi tiêu nên T đã rủ Đ đi trộm cắp xe mô tô đem bán lấy tiền.

Khoảng 1 giờ ngày 27/3/2020, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu xanh đeo biển kiểm soát (BKS): 98L5 – 7824 chở Đ đi từ thành phố Bắc Ninh đến địa bàn huyện Tiên Du tìm tài sản sơ hở để trộm cắp. Khi đi Đ đã cầm theo 01 chiếc văm phá khóa bằng kim loại cất giấu trong túi quần. T chở Đ đi đến thôn Dương Húc, xã Đại Đồng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Khi đến khu nhà trọ của anh Trần Xuân Tr, T phát hiện ở vỉa hè trước khu trọ có dựng 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu đỏ - đen - trắng, BKS: 18H1 – 179.39 của anh Tr. Thấy xung quanh vắng vẻ, không có người trông coi, T dừng xe lại bảo Đ đứng trông xe cánh giới còn T vào trộm cắp chiếc xe mô tô trên. Đ đưa chiếc văm phá khóa cho T. T cầm văm phá khóa, đi đến gần chiếc xe mô tô trên. Phát hiện chiếc xe Honda Airblade không khóa cổ khóa càng, T sử dụng văm phá khóa tra vào ổ khóa điện của xe rồi vận mạnh theo chiều kim đồng hồ thì thấy đèn điện của xe bật sáng. T dắt lùi xe mô tô trên xuống lòng đường rồi đề nổ máy. Sau đó T và Đ mỗi người điều khiển một xe mô tô đi về nhà T ở khu B. Tại đây, T và Đ đã tháo chiếc biển kiểm soát của xe mô tô vừa trộm cắp cất giấu trong khu chăn nuôi của nhà T. Khoảng 12 giờ cùng ngày, T điều khiển xe mô tô trộm cắp đến gặp anh Lê Tuấn A, sinh năm 1993 ở thôn N, thị trấn N, huyện V, tỉnh B đặt vấn đề vay 4.000.000 đồng và để chiếc xe mô tô trên lại làm tin. Anh Tuấn A đồng ý và đưa tiền cho T. Số tiền có được, T và Đ đã tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi bị trộm cắp chiếc xe mô tô trên, ngày 29/3/2020, anh Trần Xuân Tr đã gửi đơn trình báo đến cơ quan Công an huyện Tiên Du

Cơ quan điều tra đã tiến hành thu thập, trích xuất camera tại cửa nhà của anh Tr và xác định đối tượng đã trộm cắp chiếc xe mô tô trên là Nguyễn Đức T và Nguyễn Đức Đ.

Đến khoảng 01 giờ ngày 30/3/2020, Công an huyện Tiên Du phối hợp Công an xã Đại Đồng tiến hành tuần tra tại thôn Dương Húc, xã Đại Đồng, huyện Tiên Du phát hiện Nguyễn Đức T cùng Nguyễn Hữu H, sinh năm 1993 có HKTT tại ngõ 272 N, khu B, phường V, TP. B đang điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu xanh, BKS: 98L5 – 7824 có biểu hiện nghi vấn nên đã tiến hành kiểm tra. T và H khai nhận đang đi tìm kiếm tài sản sơ hở là xe mô tô để trộm cắp nhưng chưa trộm cắp được tài sản gì. Cơ quan Công an đã thu giữ: Tại ống tay áo bên trái của T có 01 con dao tự chế dài 48 cm, phần cán sơn màu đen dài 18 cm, phần lưỡi bằng kim loại có 01 lưỡi sắc dài 29 cm có vỏ sơn màu đen; Tại túi quần sau bên phải của T có 02 mũi văm loại văm phá khóa xe máy, 01 tay công bằng kim loại hình chữ T và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel kèm simcard

Thu của H 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đỏ kèm simcard.

Sau đó lực lượng Công an đã đưa T và H về trụ sở làm việc. Tại cơ quan CSĐT Công an huyện Tiên Du Tiến đã khai nhận hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô của anh Tr vào ngày 27/3/2020. Cùng ngày cơ quan CSĐT đã tiến hành triệu tập Đ đến làm việc và Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp cùng Tiến ngày 27/3/2020.

Cùng ngày 30/3/2020, Cơ quan CSĐT đã tiến hành khám xét khẩn cấp nhà của Nguyễn Đức T tại khu B, phường V, TP. B. Quá trình khám xét, cơ quan CSĐT đã thu giữ: Tại khu chăn nuôi có 02 chiếc biểm kiểm soát xe mô tô có số đăng ký như sau: 18H1 – 179.39 và 98B2 – 525.41.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 32 ngày 15/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Tiên Du kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu đỏ – đen – trắng, BKS: 18H1 – 179.39 giá trị còn lại là 20.000.000 đồng.

Với nội dung trên, Cáo trạng số 50/CT - VKS ngày 31/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du truy tố bị cáo Nguyễn Đức T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b,g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Truy tố bị cáo Nguyễn Đức Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo T và bị cáo Đ khai nhận: Do không có công ăn việc làm và không có tiền ăn tiêu nên khoảng 02 giờ ngày 27/3/2020, tại vỉa hè trước khu nhà trọ của anh Trần Xuân Tr ở thôn D, xã Đ, huyện T, tỉnh B các bị cáo đã có hành vi trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu đỏ - đen – trắng, BKS: 18H1 – 179.39 của anh Tr. Khoảng 12 giờ cùng ngày, T điều khiển xe mô tô trộm cắp đến gặp anh Lê Tuấn A, sinh năm 1993 ở thôn N, thị trấn N, huyện V, tỉnh B đặt vấn đề vay 4.000.000 đồng và đề chiếc xe mô tô trên lại làm tin. Anh Tuấn A đồng ý và đưa tiền cho T. Số tiền có được, T và Đ đã tiêu xài cá nhân hết.

Các bị cáo xác định hành vi lấy trộm xe của anh Tr là vi phạm pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du truy tố các bị cáo về tội trộm cắp là đúng không oan sai gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo theo Cáo trạng số 50/CT-VKS ngày 31/5/2020. Trong phần luận tội đã phân tích nguyên nhân, tính chất, mức độ nguy hiểm cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

1/Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đức T, Nguyễn Đức Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2/ Hình phạt và điều luật áp dụng: Căn cứ điểm b,g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T từ 42 tháng đến 48 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/3/2020.

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức Đ từ 36 tháng đến 42 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/3/2020.

3/ Về trách nhiệm dân sự: Không đề cập giải quyết.

4/ Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS: Tịch thu tiêu hủy 01 con dao tự chế dài 48 cm, phần cán sơn màu đen dài 18 cm, phần lưỡi bằng kim loại có 01 lưỡi sắc dài 29 cm có vỏ sơn màu đen; 02 mũ vải loại vải phá khóa xe máy, 01 tay công bằng kim loại hình chữ T

Trả lại bị cáo T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel kèm simcard nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo sau khi nghe luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du, các bị cáo không có tranh luận gì về tội danh cũng như khung hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị hội đồng xét xử áp dụng đối với bị cáo.

Khi được nói lời cuối cùng cả hai bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 02 giờ ngày 27/3/2020, tại vỉa hè trước khu nhà trọ của anh Trần Xuân Tr ở thôn D, xã Đ, huyện T, tỉnh B các bị cáo đã có hành vi lén lút lấy cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu đỏ - đen - trắng, BKS: 18H1 – 179.39 của anh Tr trị giá 20.000.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản. Bị cáo T trước khi phạm tội lần này đã bảy lần bị xét xử về tội trộm cắp và đều chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Bị cáo không có nghề nghiệp và lấy việc trộm cắp làm nguồn sống chính. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du truy tố bị cáo T về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm b, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Bị cáo Đ trước khi phạm tội lần này đã ba lần bị xét xử và đều chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du truy tố bị cáo n về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Ngoài ra còn gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân nơi xảy ra tội phạm. Do vậy cần áp dụng một hình phạt tương xứng với hành vi các bị cáo đã phạm mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công cụ thể nên không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức. Về vai trò các bị cáo thì thấy: Trong vụ án này T có vai trò cao hơn bị cáo Đ. Bị cáo T là người trực tiếp lấy tài sản và cũng là người đi cầm cố tài sản lấy tiền. Do vậy, khi quyết định hình phạt bị cáo T phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo Đ.

Xét về nhân thân của các bị cáo thấy: Các bị cáo là đối tượng có nhân thân xấu: Các bị cáo đều là đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy. Bị cáo T đã 07 lần bị xét xử về tội “ Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích: Tại Bản án số 15/HSST ngày 25/3/1995, Tòa án nhân dân thị xã Bắc Ninh xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”; Tại Bản án số 72/HSST ngày 27/12/1995, Tòa án nhân dân thị xã Bắc Ninh xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”. Tổng hợp với bản án số 15 ngày 25/3/1995 T phải chịu hình phạt chung là 42 tháng tù; Tại Bản án số 03/HSST ngày 14/12/1999, Tòa án nhân dân thị xã Bắc Ninh xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”; Tại Bản án số 57/HSST ngày 20/7/2000, Tòa án nhân dân thị xã Bắc Ninh xử phạt 24 tháng tù về tội tội “Trộm cắp tài sản của công dân”. Tổng hợp với Bản án số 03 ngày 14/12/1999 T phải chấp hành hình phạt chung là 42 tháng tù; Tại Bản án số 63/HSST ngày 24/3/2004, Tòa án nhân dân thị xã Bắc Ninh xử phạt 24 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”; Tại Bản án số 28/HSST ngày 22/01/2007, Tòa án nhân dân TP. Bắc Ninh xử phạt 42 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”; Tại Bản án số 109/HSST ngày 18/11/2014, Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 48 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo Đ cũng 03 lần bị xét xử về các tội “ Trộm cắp tài sản” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy”: Tại Bản án số 35 ngày 12/9/2013, Tòa án nhân dân huyện Thuận Thành xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tại Bản án số 71 ngày 09/12/2015, Tòa án nhân dân huyện Thuận Thành xử phạt 07 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (trộm cắp tiền 792.000 đồng); Tại Bản án số 40 ngày 20/6/2018, Tòa án nhân dân huyện Thuận Thành xử phạt 16 tháng tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Hai bị cáo không lấy những lần cải tạo trước làm bài học mà vẫn phạm tội chứng tỏ cả hai bị cáo là những đối tượng khó cải tạo, giáo dục.

Xét các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị can có nhiều tiền án chưa được xóa án tích, đã bị áp dụng tình tiết định khung: “Tái phạm nguy hiểm” nên không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử nhận thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục riêng, phòng ngừa chung.

Về trách nhiệm dân sự: Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu đỏ – đen – trắng, BKS: 18H1 – 179.39 mà các bị cáo đã trộm cắp của anh Tr. Cơ quan điều tra đã thu hồi và tiến hành trả lại cho anh Tr chiếc xe mô tô cùng chiếc biển kiểm soát của xe. Đến nay anh Tr đã nhận lại tài sản và không yêu cầu T và Đ phải bồi thường gì về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Người liên quan là anh Tuấn A không có yêu cầu bị cáo T phải trả lại số tiền đã vay nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Đối với 01 con dao tự chế dài 48 cm, phần cán sơn màu đen dài 18 cm, phần lưỡi bằng kim loại có 01 lưỡi sắc dài 29 cm có vỏ sơn màu đen, thu giữ của T giá trị tài sản thấp nên Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy.

Đối với 02 mũi văm loại văm phá khóa xe máy, 01 tay công bằng kim loại hình chữ T là vật dụng dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel kèm simcard thu giữ của T không dùng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho T nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

Đối với Nguyễn Hữu H đã đi cùng T đêm 30/3/2020 mục đích để trộm cắp, tuy nhiên khi H và T chưa thực hiện được hành vi phạm tội thì bị Cơ quan Công an phát hiện. Do đó, cơ quan CSĐT không có căn cứ xử lý đối với H nên đã giáo dục, nhắc nhở đối với H là phù hợp.

Đối với anh Lê Tuấn A đã nhận chiếc xe mô tô Tiên trộm cắp được để làm tin cho T vay tiền. Quá trình điều tra xác định, anh Tuấn A không biết chiếc xe mô tô trên là do T phạm tội mà có. Do đó cơ quan CSĐT chỉ giáo dục, nhắc nhở đối với anh Tuấn A là phù hợp.

Đối với mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu xanh đeo BKS: 98L5 – 7824 mà T và Đ điều khiển đi trộm cắp ngày 27/3/2020. Quá trình điều tra, T và Đ khai nhận chiếc xe mô tô trên là tài sản mà T và Đ đã trộm cắp tại KCN Q thuộc xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang vào khoảng đầu tháng 3/2020. Ngày hôm đó, T và Đ đã trộm cắp được chiếc xe mô tô trên có BKS: 98B2 – 525... và 01 chiếc xe mô tô kiểu dáng Dream Boss có BKS: 98L5 – 78... Sau khi trộm cắp được 02 chiếc xe mô tô trên, T và Đ đã tháo biển kiểm soát của 02 chiếc xe mô tô trên cất giấu tại khu chăn nuôi rồi đem bán chiếc xe mô tô có kiểu dáng Dream Boss cho một người phụ nữ không quen biết thu mua sắt vụn được 500.000 đồng. Còn chiếc xe mô tô Honda Wave, T và Đ lắp chiếc biển kiểm soát: 98L5 – 7824 rồi sử dụng làm phương tiện đi lại.

Quá trình tra cứu, xác định chiếc xe mô tô trên có đăng ký BKS: 98B2 – 525.... đăng ký chủ sở hữu tên ông Lương Văn C có địa chỉ ở thôn Đ, xã Q, huyện T, tỉnh B. Anh Lương Văn Q, sinh năm 1998 ở thôn Đ, xã Q, huyện T, tỉnh B (là con trai ông C) trình bày: chiếc xe mô tô trên ông C đã cho anh, sau đó trong quá trình đi làm tại KCN Q thuộc xã V, tỉnh B anh Q bị trộm cắp. Anh Q đã trình báo Công an nhưng không biết việc giải quyết như thế nào. Đến nay anh Q đề nghị xin lại chiếc xe trên.

Đối với chiếc BKS: 98L5 – 78.., qua tra cứu được đăng ký chủ sở hữu là anh Thân Văn Đ ở thôn 7, xã T, huyện V, tỉnh B đối với xe mô tô kiểu dáng Dream nhãn hiệu Boss. Cơ quan CSĐT đã thông báo mời anh Đ đến làm việc, tuy nhiên hiện nay anh Đ không có mặt tại địa phương. Ngày 06/5/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện Tiên Du đã có công văn trao đổi với Cơ quan CSĐT Công an huyện V, tỉnh B để phối hợp giải quyết do đó cần tách chiếc xe mô tô Honda Wave màu xanh đeo BKS: 98L5 – 78.. và chiếc biển kiểm soát: 98B2 – 525... để bàn giao cho cơ quan CSĐT Công an huyện V giải quyết theo thẩm quyền.

Đối với người phụ nữ đã mua chiếc xe mô tô kiểu dáng Drem nhãn hiệu Boss do T và Đ trộm cắp ở KCN Q, huyện V, tỉnh B. Do T và Đ không biết tên tuổi, địa chỉ của người này ở đâu nên cơ quan CSDDT đang tiếp tục điều tra, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đỏ kèm simcard thu giữ của H, quá trình điều tra xác định Hưng chưa thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên cơ quan CSĐT đã tiến hành trả lại cho Hưng chiếc điện thoại trên là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đức T và Nguyễn Đức Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ điểm b,g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 48(Bốn tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/3/2020.

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức Đ 42(Bốn hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/3/2020.

- Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự: Tạm giam mỗi bị cáo 45 ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS: Tịch thu tiêu hủy 01 con dao tự chế dài 48 cm, phần cán sơn màu đen dài 18 cm, phần lưỡi bằng kim loại có 01 lưỡi sắc dài 29 cm có vỏ sơn màu đen; 02 mũ vải loại vải phá khóa xe máy, 01 tay công bằng kim loại hình chữ T

Trả lại bị cáo T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel kèm simcard nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

- Về án phí áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- Áp dụng điều 331,333 BLTTHS: Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh
- VKSND huyện Tiên Du;
- Công an huyện Tiên Du;
- Chi cục THADS huyện Tiên Du;
- Những NTGTT;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu HS, VP;

Nguyễn Xuân Sướng

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIÊN DU
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----*-----

Tiên Du, ngày 23 tháng 8 năm 2019

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN DU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà : Nguyễn Xuân Sướng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Văn Hánh, bà Đào Thị Thu

Căn cứ vào các Điều 259,299,326 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vào hồi 11 giờ 00 phút ngày 23 tháng 8 năm 2019

Tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án:

Đinh Ngọc Khánh, Bùi Văn Tính “ Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

1. Về tội danh:

Đinh Ngọc Khánh, Bùi Văn Tính phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

2.Về điều luật áp dụng:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106, 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

Kết quả biểu quyết: 3/3.

3. Về mức hình phạt:

Xử phạt bị cáo Đinh Khánh Ngọc 08 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 17/5/2019.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn Tính 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 17/5/2019.

Tạm giam mỗi bị cáo 45 ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

Kết quả biểu quyết : 3/3.

4. Về các vấn đề khác :

Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc áo sơ mi dài tay màu trắng, trên có in các hoa văn màu đen; 01 chiếc quần vải dài màu đỏ; 01 chiếc mũ lưỡi trai màu nâu, phần lưỡi trai màu đen, trên gần mặt lưỡi trai có hình ngôi sao bị khuyết hai cánh (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/7/2019)

Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt án.

Kết quả biểu quyết : 3/3.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ